

# TRÍ THỨC XƯA VỚI MÙA XUÂN -

## MÙA XUÂN VỚI TRÍ THỨC XƯA

*(Lan man qua thi thoại và giai thoại)*

GS. TS. KIỀU THƯ HOẠCH

*(Tiếp theo kỳ trước)*

...Phải từ thời Lê trở đi lực lượng Nho sĩ mới thực sự phát triển cả về lượng và chất, đúng như GS. Vũ Khiêu đã nhận định: "Từ nửa cuối thế kỷ 14, và nhất là bước sang thế kỷ 15, vào thời Lê sơ, Nho học được phát triển rất mạnh mẽ. Học hành và thi cử theo khuôn khổ, Nho học tăng lên với một nhịp độ chưa từng thấy. Tình hình đó làm cho tầng lớp trí thức Nho sĩ trở nên hết sức đông đảo" (*Người trí thức Việt Nam qua các chặng đường lịch sử*, Nxb. Tp.HCM, 1987, tr.24). Do Nho học phát triển, trí thức Nho sĩ đông đảo nên từ Lê đến Nguyễn, chất Nho trong các Nho sĩ cũng thực sự đậm hơn. Chính vì vậy mà thơ Xuân của họ ở thời kỳ này cũng phong phú, đa dạng hơn ở thời kỳ Lý - Trần. Chúng ta hãy xem xét qua một số Nho sĩ - thi nhân tiêu biểu.

Nguyễn Trãi, người anh hùng cứu nước, nhà thơ lớn thiên tài, đã để lại cho chúng ta một di sản văn hóa vô giá, đó là tập thơ Quốc âm/Thơ Nôm tuyệt vời. Trong thơ Nôm của Nguyễn Trãi, thơ viết về thiên nhiên chiếm một tỷ lệ khá cao và đều là những bài thơ hay, đặc biệt,

những bài thơ Xuân lại càng hay, càng đẹp, thể hiện một tình yêu vô hạn của tác giả đối với non sông, đất nước.

Mở đầu ba bài "Thơ mai" liên hoàn, tác giả tỏ ra thích thú hoa mai vì phẩm tiết của mai trong sạch:

*Xuân đến nào hoa chẳng tốt tươi*

*Ưu mi vì tiết sạch hơn người...*

Ở bài thứ ba, tác giả tỏ ra hết sức tinh tế khi nhìn vẻ đẹp của hoa mai in bóng dưới nước và tỏa hương thơm dưới ánh trăng:

*Bóng thưa ánh nước động người vay*

*Thắm đưa hương một nguyệt hay...*

Qua sáu bài "Thơ hoa đào", cũng làm theo thể liên hoàn, tác giả lại cho thấy sức sống tươi trẻ của mùa Xuân qua hình ảnh hoa tươi, Xuân cười:

*Một đóa đào hoa khéo tốt tươi*

*Cách Xuân mỉm morn thấy Xuân cười...*

*(Bài một)*

Và tác giả do chỗ quyến luyến mùa Xuân nên đã khuyến cáo mọi người chớ phụ Xuân, chớ phụ hoa, chớ để má đào phai:

*Chớ phụ Xuân này chớ phụ hoa*

*Hoa có ý thì Xuân có ý...*

(Bài ba)

*Gặp Xuân mưa để má đào phai*

(Bài bốn)

Ở bài "Tảo Xuân đắc ý" (Đắc ý tiết Xuân sớm), tác giả đã nhân cách hóa mùa Xuân, vì mùa Xuân mới chớm, nên liễu chưa biết mặt, hoa cũng chỉ mới nghe tin, ong cũng chưa đến, chỉ có bướm là đang lớn vờn. Đây quả là một bài thơ đầy kịch tính và sinh động:

*Xuân chầy liễu thấy chưa hay mặt*

*Vườn kín hoa truyền mới lọt tin*

*Cành có tinh thần ong chưa thấy*

*Tinh quen khinh bạc bướm chẳng thìn...*

Bài *Đón Xuân vào đêm cuối năm* "Trừ tịch" có những câu cũng rất thú vị, không hề mòn sáo:

*Chong đèn chực tuế cay con mắt*

*Đốt trúc khua ma đặng lỗ tai...*

Ngồi chong đèn đợi năm mới cay xè con mắt. Đốt pháo, khua gõ âm ỉ để đuổi tà ma làm điếc cả tai. Đây là những phong tục thời cổ khi đón năm mới.

Đặc biệt, ở bài "*Vãn Xuân*" (Cuối Xuân) có hai câu tuyệt hay, mang tính nhân văn sâu sắc, vừa sống động về hình tượng văn học, vừa dào dạt giá trị biểu cảm trong ngôn từ:

*Cướp thiếu niên đi thương đến tuổi*

*Ốc dương hòa lại ngõ dừng chân...*

Đại ý bài thơ nói chỉ còn một hai tuần nữa là đủ 90 ngày, tức là hết ba tháng Xuân. Nhà thơ tỏ ý thương tiếc/tiếc nuối tuổi Xuân qua mau, như là cướp cái tuổi niên thiếu đi. Vì thế, muốn gọi (ốc) cái khí dương ấm áp lại, ngõ hầu mà dừng chân lâu lâu trong đó để hưởng khí Xuân tươi trẻ, để kéo dài tuổi Xuân.

Thiết nghĩ, trong thơ cổ điển Việt Nam, thật hiếm có một tứ thơ hay và lạ đến thế!

\*  
\* \*

Sau Nguyễn Trãi mấy trăm năm, văn học Việt Nam lại xuất hiện một tác gia kỳ tuyệt đó là Cao Bá Quát (1808 -1855). Cao Bá Quát sáng tác hàng ngàn bài thơ, nhưng mất mát cũng nhiều, nay chỉ còn lại khoảng hơn ngàn bài. Trong số đó, thơ viết về mùa Xuân cũng rất nhiều. Tuy nhiên, nét khác biệt ở Cao Bá

Quát là thơ Xuân của tác giả dường như thiên về thể hiện/giải bày tâm trạng hơn là tả cảnh Xuân. Chẳng hạn, chúng ta hãy thử đọc một bài trong chùm thơ "*Du Tây Hồ bát tuyệt*" (Tám bài tứ tuyệt chơi Hồ Tây) nói về cảnh sắc Xuân ở Hồ Tây:

*Diên đảo Xuân tâm bất tự tri*

*Tây Hồ chân cá tự Tây Thi*

*Doanh doanh thúy đại ba bình hậu*

*Khúc khúc quân yêu thảo lục thi*

Bản dịch thơ của Ngô Linh Ngọc:

*Lòng Xuân ghim giữ khôn đang*

*Hồ Tây kia đứng một nàng Tây Thi*

*Sóng êm đầy đặn nét mi*

*Giải là bay cỏ đang thì mướt xanh*

Đây là một trong những bài thơ hay và còn ít nhiều nói đến cảnh Xuân. Nhiều bài khác, chỉ qua đầu đề đã thấy ngay là tác giả chỉ mượn tiết Xuân để giải tỏa nỗi lòng. Chẳng hạn như:

- *Bạc Xuân giản Nguyễn Chính Tự* (Cuối Xuân gửi thư cho Nguyễn Chính Tự).

- *Mộ Xuân tức cảnh hoài nhân* (Cuối Xuân thấy cảnh nhớ người).

- *Tảo Xuân thuật hoài* (Kể nỗi lòng khi Xuân sớm) v.v...

Tuy nhiên, phần thơ Xuân độc đáo và kỳ thú lại nằm ở những giai thoại về Cao Bá Quát. Chúng ta đều biết Cao Bá Quát là một Thi Thánh, là nhà thơ tài hoa và có phần ngạo đời với khí phách ngang tàng. Vì thế dân gian đã thêu dệt, hư cấu khá nhiều giai thoại về nhà Nho tài tử này. Một trong những giai thoại được nhiều người thích thú đó là bài thơ Xuân mà họ Cao đã bịa ra để lờm vua Tự Đức. Chuyện kể rằng Tự Đức vốn là ông vua sành thơ và hay khoe thơ mình. Nghĩ được câu thơ nào thường vẫn đem đọc cho quần thần nghe và lấy làm tự đắc lắm. Một hôm sau buổi chầu, Tự Đức nói với các quan:

Đêm qua trẫm nằm mơ làm được hai câu thơ thật kỳ lạ, để trẫm đọc cho các khanh nghe.

Rồi đọc luôn:

*Viên trung oanh chuyển khê khà ngữ*

*Dã ngoại đào hoa lấm tẩm khai.*

Các quan nghe xong đều lấy làm lạ, vì chưa hề được nghe lối thơ vừa Hán vừa Nôm như thế bao giờ. Còn Cao Bá Quát khi ấy cũng có mặt

ở đây thì vẫn thản nhiên mà râu rắng:

Tâu bệ hạ, tưởng gì chứ hai câu ấy thì từ hồi còn để chỏm đi học, thần đã được nghe rồi ạ! Mà thần được nghe đủ cả tám câu kia, nếu bệ hạ cho phép thì thần xin đọc lại tất cả bài.

Tự Đức đang hí hửng về mấy câu thơ dở Hán, dở Nôm rất độc đáo của mình, không dè lại bị Quát dội một gáo nước lạnh, thì tức lắm, vì rõ ràng hai câu đó chính Tự Đức đã nghĩ ra. Tuy nhiên, Tự Đức vẫn cố trấn tĩnh bảo Quát đọc cho nghe cả bài thơ, với thâm ý nếu không đọc được thì sẽ trị thật nặng cái tội khi quân cho hả giận.

Các đình thần đều lấm lét nhìn nhau, không khí triều đình rất căng thẳng. Sẵn lòng đổ kỹ tài năng của Quát, họ đều mong Quát phải chịu tội cho bố ghét. Nhưng Quát sau một hồi lẩm nhẩm, đã cất giọng sang sảng đọc:

*Bảo mã Tây phương huếch hoác lai  
Huênh hoang nhân tự thác đề hồi  
Viên trung oanh chuyển khê khả ngữ  
Dã ngoại đào hoa lấm tẩm khai  
Xuân nhật bất văn sương lộp bộp  
Thanh thiên chỉ kiến vũ bài nhài  
Khù khờ thí tứ đa nhân thức  
Khệnh khạng tương lai vấn tú tài*

Lời dịch thơ:

*Ngựa báu phương Tây khập khiễng hoài  
Huênh hoang người cuội ruổi đường dài  
Trong vườn oanh hót khê khả giọng  
Ngoài ruộng hoa đào lấm tẩm rơi  
Xuân tới chẳng nghe sương lộp bộp  
Trời xanh chỉ thấy tuyết bài nhài  
Khù khờ thơ ấy ai không biết  
Khệnh khạng còn mang hỏi tú tài.*

(Bản dịch của KTH)

Bài thơ vừa đọc dứt, cả đình thần hoang mang nhìn nhau. Còn Tự Đức thì biết chắc là Cao Bá Quát bịa thơ chơi xỏ mình, nhưng cũng rất sững sốt và vô cùng thán phục. Nhà vua đành sai lấy chè và lụa ban thưởng cho Quát, và bắt Quát phải chịu thú thật là đã bịa thêm sáu câu...

Đây là thơ bịa của dân gian gán cho Cao Bá Quát. Theo lý là thế. Nhưng biết đâu đó lại chẳng phải là chính thơ của Thánh Quát bịa ra để đùa vui cùng mọi người. Dù sao đó cũng là

một bài thơ Xuân có một không hai của Nho sĩ đương thời.

Cũng vào thời Tự Đức, truyện kể về bức tranh Xuân của Phạm Văn Nghị cũng là một câu chuyện vui Xuân khá thú vị.

Phạm Văn Nghị (1805 - 1880) đỗ Hoàng Giáp niên hiệu Minh Mệnh 19 (1838), từng làm Doanh điền Chánh sứ hai tỉnh Nam Định, Hải Phòng. Ông thuộc lớp Nho sĩ yêu nước chống Pháp xâm lược, từng làm bài phú "Pháp đánh Bắc Kỳ lần đầu" được lưu truyền rộng rãi trong quần chúng lúc bấy giờ. Sau ông về ẩn cư ở động Liên Hoa, Ninh Bình. Tương truyền trong một dịp đón Xuân mới, ông có vẽ một bức tranh Xuân để chơi. Nét độc đáo của bức tranh là không phải vẽ bằng đường nét hội họa, mà lại là viết bằng chữ Hán theo một bố cục riêng. Trên tờ giấy hồng điều hình chữ nhật to rộng; ở góc bên phải, ông viết ba chữ Xuân nhỏ, ở dòng thứ hai, ông viết một chữ Xuân để trong vòng tròn; giữa tờ giấy ở hàng trên cùng, ông viết bốn chữ Cảnh to bằng nhau, rồi ở mép dưới cùng của tờ giấy lại viết một chữ Cảnh nhỏ; lùi về bên trái tờ giấy, ở mép trên, ông viết một chữ Ngư lộn ngược; dưới chữ Ngư, ở mép giấy phía dưới, ông viết một chữ Hồ to và rộng bè ra; ở mép dọc bên trái tờ giấy, trên cùng viết một chữ Điều nằm ngang, dưới cùng viết một chữ Sơn nét sổ giữa cao vọt lên... Ông thách rằng ai trông vào bức vẽ đó mà đọc thành bốn câu thơ Nôm thì ông tôn làm bạc thầy. Nên biết, Phạm Văn Nghị là Nho sĩ nổi tiếng hay chữ, từng đào tạo một số học trò đỗ cao (như Tám nguyên Yên Đổ, Tam nguyên Trần Bích San), nên lời thách đố của ông được rất nhiều Nho sĩ hưởng ứng. Tuy nhiên, trải mấy Xuân qua vẫn chưa có ai đọc được bức tranh kỳ lạ ấy. Mãi về sau, chợt có ông cụ đồ làng bên đến bảo Phạm Văn Nghị cho đọc thử. Rồi ông cụ đọc rằng:

*Ba Xuân nho nhỏ một Xuân tròn  
Bốn Cảnh bằng nhau một Cảnh con  
Hồ rộng mênh mông Ngư lộn ngược  
Non cao chót vót Điều nằm ngang.*

Thế là cụ đồ đã đọc được bức tranh theo đúng ý chủ nhân của nó: Một bức tranh có sơn, có thủy, có chim bay, cá lội, thể hiện cảnh sắc đầy sức sống của mùa Xuân. Không ngờ, một

ông đồ quê mà lại giải mã được bức tranh đầy bí ẩn của mình, Hoàng giáp Phạm Văn Nghị vô cùng bội phục, xin lạy ông cụ làm thầy ngay. Tuy ông đồ hơn Phạm Văn Nghị hàng chục tuổi, nhưng hai người vẫn kết thành đôi bạn vong niên (bạn quen tuổi), thường qua lại đàm luận chuyện thời thế, văn chương rất tâm đắc...

Thế ứng xử của Nho sĩ với mùa Xuân rất phong phú, đa dạng; nhưng dù ở dạng nào thì cũng không ngoài cái sở trường của họ là thể hiện qua văn chương thơ phú. Truyện kể thì nhiều, ở đây chỉ xin kể thêm một câu chuyện ngắn. Đó là truyện về Đinh Nhật Thận (1815 - 1886) ở xứ Nghệ. Ông đỗ Tiến sĩ cùng khoa với Phạm Văn Nghị, vào năm Minh Mệnh 19 (1838), là một Nho sĩ giỏi cả Hán lẫn Nôm, và chính là tác giả của bài "Thu dạ lữ hoài ngâm" nổi tiếng. Đặc sắc của bài này là ở chỗ viết bằng chữ Hán nhưng lại theo lối thơ Nôm song thất lục bát. Không rõ tác giả vô danh nào đã dịch ra thơ Nôm, và nhờ thế nó được truyền tụng rộng rãi đến đời người ta quên cả nguồn gốc của tác phẩm là một khúc ngâm chữ Hán. Trường hợp này cũng không khác gì "Chinh phụ ngâm khúc"; cho đến nay người đời chỉ thuộc bản dịch của nữ sĩ Đoàn Thị Điểm, mấy ai còn nhớ đến nguyên tác chữ Hán của danh sĩ Đặng Trần Côn. Ông nghề Đinh Nhật Thận là bạn thân với mấy tay Nho sĩ ngang tàng, khoáng đạt là Cao Bá Quát, Nguyễn Hàm Ninh, nên chẳng những không được triều Tự Đức trọng dụng mà còn bị nghi kỵ, quản thúc. "Thu dạ lữ hoài ngâm" chính là tác phẩm phản ánh tâm trạng của ông với thời thế. Khúc ngâm có âm điệu buồn, và một số câu đã được phổ nhạc, như:

*Khi ta đi liễu đang xanh tốt  
Chim hoàng oanh mới hót ba câu...*

Tương truyền lúc còn trẻ, Đinh Nhật Thận rất hay đi hát Ví. Một lần nhân dịp đầu Xuân đi hát, ông mới bước vào sân nhà nơi có cuộc hát thì chẳng may bị trượt chân ngã bổ chổng. Các cô gái thấy thế đều cười ồ cả lên và buông lời chế giễu:

*Đến đây đàn hát vui Xuân  
Khẩu đầu lạy tạ trước sân làm gì?  
Ngã đã đau, lại còn bị các cô nàng châm*

Kiểu Thu Hoạch: *Trí thức xưa với mùa Xuân - mùa Xuân...*

chọc, ông vừa thẹn vừa tức, bèn chống chế lại ngay bằng một câu cũng không kém phần xỏ xiên:

*Đất sao đất khéo lạ lòng  
Bấm thì chẳng chịu, nằm cùng thì cho.*

Bấm là bấm ngón chân cho khỏi trơn. Nằm cùng là ngã ra đất. Tả thực mà hóa giọng xỏ. Các cô nghe xong, má bỗng đỏ au lên, cô nọ véo cô kia không cô nào còn dám lên tiếng trêu chọc cái "anh đồ quý quái" ấy nữa...

\* \* \*

Trí thức là đại diện cho trí tuệ của thời đại. Đối với tầng lớp trí thức Nho sĩ xưa thì mỗi khi tết đến Xuân về họ lại có những thế ứng xử phù hợp với trí tuệ của thời đại họ. Đó là những thú vui tinh thần như chơi hoa cảnh, như khai bút đầu Xuân, làm thơ, viết câu đối... Qua hàng ngàn năm lịch sử, dân gian còn lưu truyền biết bao thi thoại và giai thoại thú vị, phản ánh những tinh hoa trong thế ứng xử của các trí thức Nho sĩ xưa với mùa Xuân. Ngày nay chúng ta đang sống trong một thời đại mới cùng với những thế ứng xử mới mỗi khi Xuân về:

*Ngày Xuân là tết trồng cây*

*Để cho đất nước càng ngày càng Xuân*

Tuy nhiên, nhân dịp Xuân về, cùng nhau ôn lại những câu chuyện xưa, những truyền thống cũ của dân tộc, để tiếp nhận và kế thừa những di sản hay đẹp của cha ông, âu cũng là điều mang tính trí tuệ, tính nhân văn cao và hữu ích cho nền kinh tế tri thức của chúng ta ngày nay vậy./

K.T.H

#### **Tài liệu tham khảo:**

- Kiểu Thu Hoạch: Tìm hiểu thơ văn của các thiền sư Lý - Trần, *Tạp chí Nghiên cứu văn học*, số 6 - 1965.
- Kiểu Thu Hoạch: *Tổng tập văn học dân gian người Việt - Giai thoại văn học*, Nxb.KHXH, H. 2004.
- Vũ Khiêu: *Người Trí thức Việt Nam qua các chặng đường lịch sử*, Nxb. TP.HCM, 1987.
- *Thiên tông dữ Trung Quốc văn hóa*, Thượng-Hải nhân dân xuất bản xã, 1996.
- *Dương Dân Tô: Đường thi giai thoại*, Văn Nam giáo dục xuất bản xã, 2000.